

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **208/2020/DS - PT**

Ngày: 28-9-2020

*V/v: “Đòi tài sản và hủy giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc: “*Đòi tài sản và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 1666/2020/QĐ-PT ngày 8 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị T**

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; có đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 25/9/2020.

*** Bị đơn:** Ông **Quách Ngọc L**, bà **Nguyễn Thị L1**

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; đều vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Đặng Hùng A

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Hùng A: Bà Trần Thị T; có đơn xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H – Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí T – Phó chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố T1, thị trấn C1, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T trình bày:*

Năm 1976, ông Trần Văn Đ (cha của bà Trần Thị T - đã chết) mua lô đất diện tích 782 m² của ông Hồ Văn N tại thôn K, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Năm 1987, ông Đ cho bà Quách Thị L2 ở nhờ một phần lô đất. Bà L2 có dựng ngôi nhà tạm nhà tranh vách đất để ở tạm. Năm 1993, bà L2 xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần đất này và có hứa khi nào chết trả lại đất.

Năm 1996, ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 về ở tại căn nhà này. Năm 2015, một phần diện tích đất bị thu hồi thực hiện dự án mở rộng quốc lộ 1A và tiền bồi thường, hỗ trợ do thu hồi đất bà T là người nhận. Bà có hỗ trợ tiền hoa màu trên đất cho bà Quách Thị L2 là 03 triệu đồng. Năm 2015, bà L2 chết và ông L, bà L1 ở tại nhà đất nêu trên cho tới nay.

Bà T nhiều lần yêu cầu ông L, bà L1 trả lại đất nhưng không Đ. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1 trả lại cho bà diện tích đất 85.9m² tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK733274 số vào sổ: CH05628 ngày 12/2/2018 do ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1.

** Bị đơn - ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1 trình bày:*

Bà Quách Thị L2 ở trên phần đất bà T tranh chấp từ năm 1979 tới năm 2015. Năm 1991, bà L2 có đơn xin cất nhà ngói và được Ủy ban nhân dân xã S đồng ý. Bà L2 đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước. Ngày 15/01/2002, bà L2 đã lập giấy tặng cho phần nhà đất tranh chấp nêu trên cho ông L, bà L1. Năm 2005, ông bà đào giếng. Năm 2008, ông bà sửa nhà dưới và các công trình phụ. Năm 2018, ông bà lập thủ tục kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK733274 số vào sổ: CH05628 ngày 12/2/2018.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông bà không đồng ý vì bà T ở bên cạnh nhà đất đang tranh chấp nhưng từ khi bà L2 xây dựng nhà cho tới khi ông L bà L1 đào giếng, sửa nhà bà T không có ý kiến hay tranh chấp gì.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Hùng A trình bày:*
Ông có ý kiến thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện C trình bày:*

Ngày 29/01/2018, Ủy ban nhân dân huyện C tiếp nhận hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22, diện tích 85.9m² loại đất ONT và LNQ tại thôn K, xã S, huyện C. Nguồn gốc sử dụng đất do bà Quách Thị L2 sử dụng, đến ngày 15/10/2002 bà L2 tặng cho ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1, giấy tờ tặng cho không Đ chính quyền xác nhận.

Ngày 12/02/2018, Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1 tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22, diện tích 85.9m², số vào sổ CH05628, số phát hành CK733274. Quá trình niêm yết công khai nguồn gốc sử dụng của ông L bà L1 không phát sinh đơn tranh chấp, khiếu nại về nguồn gốc sử dụng liên quan đến thửa đất nêu trên. Việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho ông L, bà L1 là đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Với những nội dung trên,

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 166 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 9 Điều 26 và khoản 1 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; .

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T về việc yêu cầu ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 trả lại cho bà diện tích đất 85.9m² tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK733274 số vào sổ: CH05628 ngày 12/2/2018 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2019 nguyên đơn bà Trần Thị T kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại đơn xin xét xử vắng mặt người kháng cáo nguyên đơn bà Trần Thị T có nội dung: Yêu cầu giữ quan điểm tại đơn khởi kiện, về chứng cứ tài liệu không thay đổi so với sơ thẩm, do tuổi tác và sức khỏe nên không tham gia phiên tòa được, đề nghị xét xử vắng mặt Tôi.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền UBND huyện C, tỉnh Khánh Hòa ông Nguyễn Trí Tuân đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T về yêu cầu ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 trả lại cho bà diện tích đất 85,9 m² và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22 là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn bà T kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới khác; Do đó đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần (phiên tòa lần này là lần thứ 5) nhưng vắng mặt, người kháng cáo bà Trần Thị T và đại diện theo ủy quyền UBND huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị T, thấy:

Nguồn gốc thửa đất tranh chấp, thửa đất số 38, tờ bản đồ số 22, diện tích 85,9m², loại đất ONT 40m² và LNQ 45,9m², tọa lạc tại thôn K, xã S, huyện C do bà Quách Thị L2 sử dụng làm nhà tạm từ năm 1979, đến ngày 14/6/1991 bà L2 có Đơn xin tu sửa nhà có chính quyền địa phương xác nhận, bà L2 là người kê khai thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, đến ngày 15/10/2002 bà Quách Thị L2 tặng cho ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1, giấy tờ tặng cho không Đ chính quyền xác nhận, ngày 12/2/2018 UBND huyện C cấp GCNQSDĐ cho ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 số vào sổ CH05628, số phát hành CK733274. Theo hiện trạng sử dụng, giữa thửa đất của bà T và thửa đất của ông L và bà L1 có bức tường gạch do bà T xây dựng năm 2001, gia đình bà T không kê khai và sử dụng cũng như thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước diện tích đất này. Bà T khởi kiện cho rằng nguồn gốc đất trên là do

cha bà ông Trần Văn Đ nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn N bà Quách Thị L2 ở nhờ nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm nguyên đơn bà T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới khác để chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí: Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm bà T không có đơn và yêu cầu miễn, giảm án phí dân sự. Do đó bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2016/0001047 ngày 15/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 26, Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2019/DS-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Trần Thị T về việc yêu cầu ông Quách Ngọc L và bà Nguyễn Thị L1 trả lại cho bà diện tích đất 85.9m² tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 22 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CK733274 số vào sổ: CH05628 ngày 12/2/2018 do ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông ông Quách Ngọc L, bà Nguyễn Thị L1.

2. Về án phí, Chi phí tố tụng:

2.1 Án phí :

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị T phải chịu 300.000, đồng(Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm bà T đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/000811 ngày 6/3/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Trần Thị T phải chịu 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0001047 ngày 15/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bà Trần Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

2.2 Chi phí tố tụng: Chi phí đo vẽ, định giá tài sản tranh chấp là: 8.530.000, đồng, bà Trần Thị T đã nộp tạm ứng 10.000.000, đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, trả lại cho bà T 1.470.000, đồng chi phí tố tụng còn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn